

Số: 2098 /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 02 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch triển khai Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em giai đoạn 2014-2020 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, ngày 15/6/2004;
Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 393/TTr-LĐTĐBXH-BVCSTE ngày 23/9/2014 về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch triển khai Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Giao Sở Lao động-thương binh và xã hội (cơ quan Thường trực) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động-thương binh và xã hội, Tài chính, Kế hoạch-đầu tư, Giáo dục-đào tạo, Văn hóa-thể thao và du lịch, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Lao động-thương binh và xã hội; “b/c”
- Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em; “ ”
- TTr. TU, TTr. HĐND tỉnh; “ ”
- Thành viên UBND tỉnh ;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh ;
- Đài Phát thanh truyền hình,
- Báo BR-VT;
- Lưu VT-TH.V3@26/9/2014

KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em giai đoạn 2014-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2098/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

1. Kế hoạch này quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
2. Quy định này được áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã, phường) trong phạm vi toàn tỉnh.
3. Quy định này được sử dụng để kiểm tra, đánh giá và xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG:

1. Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là xã, phường, thị trấn có môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em; là xã, phường, thị trấn mà ở đó tất cả trẻ em đều có sự khởi đầu tốt đẹp trong cuộc sống, được hưởng các quyền cơ bản của mình (quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia), có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và nhân cách.

2. Kế hoạch triển khai quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/5/2014 về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

4. Việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai.

III. MỤC TIÊU NĂM 2015 VÀ GIAI ĐOẠN 2015-2020:

1. Năm 2015: Phấn đấu 90% tỷ lệ xã, phường, thị trấn được công nhận “Xã, phường phù hợp với trẻ em”

2. Năm 2016 – 2020: Duy trì và nhân rộng thêm 20% mỗi năm số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “Xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em”.

IV. ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM:

– Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em nếu đạt từ 750 điểm trở lên (số điểm tối đa là 1.000 điểm) thì được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM:

Việc đánh giá xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện mỗi năm một lần vào tháng 11 hằng năm. Thời gian đánh giá một năm được tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 31 tháng 10 của năm sau. Quy trình thủ tục đánh giá như sau:

1. Cấp xã:

– Các xã, phường, thị trấn đăng ký thực hiện “Tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em” bằng văn bản gửi phòng Lao động-Thương binh và Xã hội ngay từ đầu năm (mẫu số 1).

– Công chức Văn hóa-Xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc người được giao phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (mẫu 2).

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) căn cứ Quyết định này thành lập Hội đồng đánh giá:

Thành phần Hội đồng đánh giá gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Thường trực Hội đồng đánh giá là cán bộ Lao động-Thương binh-Xã hội hoặc người được giao phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Các thành viên gồm: Trưởng Công an; Công chức Tư pháp - hộ tịch; Trạm trưởng Trạm y tế; Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở; Hiệu trưởng trường Tiểu học; Hiệu trưởng trường mầm non; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Cán bộ Văn hóa-Thông tin; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; đại diện tổ dân phố, thôn, ấp, khu phố. Ngoài các thành viên nêu trên, theo tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng đánh giá có thể bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá là đại diện của các tổ chức, đoàn thể khác.

b) Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ:

Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các ngành, cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu quy định tại Điều 2, Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ theo chức năng của từng ngành, cụ thể như sau:

– Cán bộ Ban Thương binh-Xã hội hoặc người được giao phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có trách nhiệm:

+ Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu: Tiêu chí 1, Tiêu chí 3, Tiêu chí 6, Tiêu chí 7, Tiêu chí 13 và Tiêu chí 15 theo chức năng của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội;

+ Tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quy định xã, phường phù hợp với trẻ em (mẫu số 4).

– Công chức Tư pháp – Hộ tịch báo cáo tình hình thực hiện Tiêu chí 2;

– Trạm trưởng Trạm y tế báo cáo tình hình thực hiện các Tiêu chí 8, Tiêu chí 9 và Tiêu chí 10;

– Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở; Hiệu trưởng trường Tiểu học; Hiệu trưởng trường mầm non báo cáo Tiêu chí 11 và Tiêu chí 12;

– Trưởng Công an cấp xã báo cáo tình hình thực hiện Tiêu chí 4 và Tiêu chí 5;

– Cán bộ Văn hóa-Thông tin; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh báo cáo Tiêu chí 14.

Sau đó, nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt cấp xã, phường, thị trấn:

+ Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg và xác định số điểm đạt được cho từng chỉ tiêu;

+ Chủ tịch Hội đồng đánh giá căn cứ biên bản đánh giá và ý kiến của các thành viên ra kết luận cuối cùng về việc đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (mẫu số 5).

+ Nếu đạt được điểm chuẩn theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá ký duyệt hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xem xét và ra quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 15 tháng 11 hằng năm. Hồ sơ được gửi về Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện.

+ Hồ sơ gồm: Bản đăng ký thực hiện Quy định xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Biên bản họp Hội đồng đánh giá về việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Các tài liệu kiểm chứng liên quan (Nghị quyết, chương trình, kế hoạch riêng về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Kết quả thực hiện các tiêu chí, các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em).

2. Cấp huyện:

– Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội là đơn vị đầu mối tiếp nhận và thẩm định toàn bộ hồ sơ của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn gửi lên (mẫu số 6).

– Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt (mẫu số 7).

– Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tờ trình của phòng Lao động-Thương binh và Xã hội ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng

xét duyệt để xem xét đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. (mẫu số 8) Thành phần của Hội đồng theo khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg.

– Hợp Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Cuộc họp Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép lại bằng biên bản và có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (mẫu số 9).

– Nếu xã, phường, thị trấn đạt được điểm theo quy định xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em thì Hội đồng xét duyệt làm Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Thời gian hoàn thành việc công nhận trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

– Trao giấy công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức trao giấy công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em cho các xã/phường/thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào tháng 12 hàng năm.

– Hồ sơ công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gồm:

+ Tờ trình của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập Hội đồng xét duyệt.

+ Báo cáo thẩm định của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội về kết quả đạt được các tiêu chí và điểm số theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg.

+ Biên bản họp Hội đồng xét duyệt về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

+ Tờ trình của Hội đồng xét duyệt đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

+ Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, kèm theo giấy công nhận (mẫu giấy công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành).

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện hồ sơ xét duyệt, báo cáo kết quả gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này trong năm gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

VII. KHEN THƯỞNG:

1. Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định này trong 03 năm liên tục được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, khen thưởng.

2. Xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định này trong 05 năm liên tục được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, khen thưởng.

Mức khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

VIII. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền trong công tác xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, Chính quyền về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE). Tổ chức quán triệt sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước về công tác BVCSTE, đặc biệt là Kế hoạch hành động số 53-KH/TU ngày 27/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”; và Quyết định 34/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến lãnh đạo các cấp từ tỉnh đến cơ sở và quần chúng nhân dân; đồng thời các cấp ủy Đảng, Chính quyền tăng cường sự lãnh đạo thông qua việc ban hành các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch riêng hàng năm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phân công và tạo điều kiện cho các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

Chỉ đạo việc lồng ghép và ưu tiên giải quyết các vấn đề bức xúc liên quan đến công tác BVCSTE, đặc biệt là xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Lập kế hoạch cụ thể, hàng năm trình HĐND, UBND cùng cấp phê duyệt để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em

– Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về BVCSTE, đặc biệt là các nội dung của Quyết định 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em cũng như những lợi ích thiết thực từ quy định tiêu chuẩn này mang lại cho trẻ em.

– Tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Phát thanh-Truyền hình và Báo BR-VT.

– Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, đoàn thể xã hội, và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của người dân hưởng ứng xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em từ cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tích cực của toàn xã hội tham gia xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; xem mục tiêu xã, phường, thị trấn được công nhận là

xã, phường phù hợp với trẻ em là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

– Tạo cơ hội và điều kiện cho trẻ em được nói lên tiếng nói của mình và được tham gia vào các hoạt động xã hội “Lắng nghe trẻ em nói”.

– Nâng cao trách nhiệm của từng thành viên trong gia đình thực hiện bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại, ngược đãi trẻ em. Tổ chức vận động, tư vấn trực tiếp đối với những gia đình có nguy cơ đẩy trẻ em vào hoàn cảnh đặc biệt.

– Tổ chức tổng kết đánh giá, khen thưởng việc thực hiện Quyết định 34/2014/QĐ-TTg. Qua đó biểu dương những tập thể tiêu biểu có nhiều thành tích trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp.

– Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ các cấp làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em về quy trình, thủ tục đăng ký xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; xem xét, đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

4. Xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

– Thúc đẩy phong trào toàn dân tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Các Ban ngành, đoàn thể liên quan đưa mục tiêu bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em vào chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị mình và phối hợp tổ chức thực hiện có kết quả các mục tiêu vì trẻ em đã đề ra.

– Cổ vũ, động viên, khuyến khích các cơ quan, các tổ chức kinh tế, xã hội, cá nhân, gia đình, cộng đồng đóng góp cùng Nhà nước thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, xây dựng các công trình phúc lợi, các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

– Ngoài những việc làm cụ thể cần có kế hoạch huy động mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nhằm giúp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chăm sóc thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em bình thường với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

– Lồng ghép việc xây dựng xã, phường phù hợp trẻ em với phong trào thi đua yêu nước; cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Xây dựng các mô hình: Cộng đồng an toàn; Trường học an toàn; ngôi nhà an toàn, thân thiện với trẻ em, bảo đảm cho tất cả trẻ em đều được bảo vệ an toàn và có cơ hội phát triển một cách toàn diện cả về thể chất, nhận thức và nhân cách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thu thập thông tin và đánh giá công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em hàng năm:

– Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em để đánh giá tình hình thực hiện; có sự chỉ đạo kịp thời đảm bảo đạt chỉ tiêu đã đề ra; phân công cán bộ theo dõi quá trình triển khai thực hiện từ tỉnh đến huyện.

6. Kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch:

Nhu cầu 6 năm: 2.340.000.000 đồng, trong đó:

- Năm 2015: 426 triệu đồng.
- Năm 2016: 376 triệu đồng.
- Năm 2017: 376 triệu đồng.
- Năm 2018: 376 triệu đồng.
- Năm 2019: 376 triệu đồng.
- Năm 2020: 410 triệu đồng.

IX. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

1. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

– Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế; Sở Giáo dục-Đào tạo; Sở Kế hoạch-Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp; các cơ quan và tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện và điều phối các hoạt động của Kế hoạch:

– Chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện đã được phân công trong kế hoạch theo quy định hiện hành;

– Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch và định kỳ báo cáo Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh;

– Tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào cuối năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan:

– Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về tỷ lệ “xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em” vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm ở địa phương;

– Hướng dẫn việc đưa các mục tiêu, chỉ tiêu vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành, địa phương.

3. Sở Tài chính:

– Thẩm định, cấp phát kinh phí thực hiện Kế hoạch đã được ngân sách bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước;

– Thanh, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

4. Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch:

- Hướng dẫn việc thu thập, đánh giá các chỉ tiêu liên quan đến ngành;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch ưu tiên và khuyến khích phân bổ, vận động các nguồn lực thực hiện các tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em ở địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;

- Có trách nhiệm đưa các mục tiêu, nội dung của Quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào kế hoạch, chương trình công tác hàng năm, 5 năm của Sở, ngành; chỉ đạo tổ chức thực hiện ở các cấp.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia vận động nguồn lực thực hiện kế hoạch này và phối hợp giám sát việc thực hiện xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành chức năng; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động hằng năm về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em cho phù hợp với Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn; đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhằm xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Kế hoạch; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Thành lập Hội đồng xét duyệt để xem xét đánh giá, công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em hàng năm vào tháng 11; chỉ đạo các ngành tổ chức các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; Tổ chức sơ kết, Tổng kết rút kinh nghiệm gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động-thương binh xã hội và UBND tỉnh theo quy định./



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHU CẦU KINH PHÍ TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM
GIAI ĐOẠN 2014 - 2020**

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2014	Ước thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Tổng cộng 2014 - 2020
I	Truyền thông vận động	285,000,000	326,000,000	326,000,000	326,000,000	326,000,000	326,000,000	326,000,000	1,956,000,000
1	Ký kết hợp đồng với các ngành tổ chức các hoạt động tuyên truyền.	80,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	80,000,000	480,000,000
2	Hỗ trợ xã, phường, thị trấn phần đầu đạt xã phường, thị trấn phù hợp với Trẻ em	205,000,000	246,000,000	246,000,000	246,000,000	246,000,000	246,000,000	246,000,000	1,476,000,000
II	Nâng cao năng lực quản lý	22,500,000	50,000,000	-	-	-	-	-	50,000,000
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho CB cấp huyện, xã	22,500,000	50,000,000						50,000,000
II	Tổ chức các hoạt động	44,500,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	84,000,000	334,000,000
1	Dự Hội nghị, hội thảo, tập huấn ở Trung ương	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	29,000,000	154,000,000
2	Hỗ trợ quản lý kiểm tra, giám sát	19,500,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	150,000,000
3	Tổ chức hội nghị sơ, tổng kết							30,000,000	30,000,000
	Tổng cộng	352,000,000	426,000,000	376,000,000	376,000,000	376,000,000	376,000,000	410,000,000	2,340,000,000

Mẫu số 1

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /UBND-VHXH

....., ngày tháng năm 20....

**BẢNG ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM NĂM 20....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

Căn cứ Kế hoạch công tác năm của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... đăng ký phấn đấu thực hiện tiêu chí xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em năm..... như sau:

– Đăng ký thực hiện tiêu chí xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em với số điểm...../1.000 điểm.

– Hình thức: Giấy công nhận xã/phường/thị trấn..... đạt danh hiệu xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

Nơi nhận:

-
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
Về việc thành lập Hội đồng đánh giá xã/phường/thị trấn
phù hợp với trẻ em năm 20....

Thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

Thực hiện Kế hoạch công tác năm của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Để có căn cứ đánh giá thực hiện Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20...., kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.... ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20....

Người trình

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn
phù hợp với trẻ em năm 20....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

Căn cứ.....

Theo đề nghị của công chức Văn hóa – Xã hội

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20.... gồm các ông (bà) có tên sau:

1., chức vụ....., Chủ tịch Hội đồng.
2., công chức Văn hóa-Xã hội, thường trực Hội đồng.
3., chức vụ....., Ủy viên.
4., chức vụ....., Ủy viên.
5.

Điều 2. Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em có nhiệm vụ đánh giá tình hình thực hiện Quy định xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4.; các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /UBND-VHXH

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM NĂM 20....

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG:

1. Đặc điểm tình hình: Tổng số dân địa phương, thu nhập bình quân đầu người (1.000 đồng), tổng số trẻ em, tỷ lệ trẻ em theo độ tuổi, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. thuận lợi, khó khăn trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM :

1. Những kết quả nổi bật về thực hiện tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Những hạn chế:

3. Nguyên nhân:

4. Định hướng năm tiếp theo.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố công nhận xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em và xét khen thưởng.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /UBND-VHXH

....., ngày tháng năm 20....

**BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM**

Hôm nay, vào hồi.... giờ...., ngày.... tháng.... năm 20...., tại Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....., huyện/thành phố....., tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Chúng tôi gồm:

1. Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn..... Chủ tịch Hội đồng.
2. Cán bộ VHXH (hoặc cán bộ BVCSTE)..... Thư ký Hội đồng.
3. Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở..... Ủy viên.
4. Đại diện Công an..... Ủy viên.
5. Đại diện Tư pháp..... Ủy viên.
6.

Hội đồng đã họp và thống nhất những nội dung sau:

1. Xét theo Điều 3 của Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... thuộc Nhóm 2.

2. Về xét số điểm tại các tiêu chí:

Xét theo Điều 2 của Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ gồm 15 tiêu chí, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... đạt..... điểm/1.000 điểm, cụ thể:

TT	Tiêu chí	Số điểm
1	Tiêu chí 1	
2	Tiêu chí 2	
3	Tiêu chí 3	
4	Tiêu chí 4	
5	Tiêu chí 5	
6	Tiêu chí 6	
7	Tiêu chí 7	
8	Tiêu chí 8	
9	Tiêu chí 9	
10	Tiêu chí 10	

11	Tiêu chí 11	
12	Tiêu chí 12	
13	Tiêu chí 13	
14	Tiêu chí 14	
15	Tiêu chí 15	
	Tổng số điểm	

3. Kết luận:

- Xã/phường/thị trấn..... đạt (hoặc không đạt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em).

- Hội đồng nhất trí, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... xem xét và ký duyệt hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố..... xem xét công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Hội nghị kết thúc vào hồi..... giờ....., ngày tháng.... năm 20...

Biên bản này được lập thành 02 bản, giữ 01 bản cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ký, ghi rõ họ tên

Và đóng dấu)

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....

Mẫu số 6

UBND
PHÒNG LAO ĐỘNG-TBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Số: /BC-LĐTBXH-BVCSTE

BÁO CÁO

**Thẩm định kết quả đánh giá tình hình thực hiện Quy định
Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em của
xã/phường/thị trấn..... năm 20.....**

Căn cứ hồ sơ đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em ngày.... tháng..... năm 20.... của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... phòng Lao động-Thương binh và Xã hội đã tiến hành thẩm định kết quả đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em của xã/phường/thị trấn..... như sau:

1. Quá trình tổ chức đánh giá tại xã/phường/thị trấn

TT	Nội dung thẩm định	Thời gian thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Đúng quy định	Không đúng quy định
1	Đăng ký xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em			
2	Thu thập số liệu 15 tiêu chí	Số điểm		
	Tiêu chí 1			
	Tiêu chí 2			
	Tiêu chí 3			
	Tiêu chí 4			
	Tiêu chí 5			
	Tiêu chí 6			
	Tiêu chí 7			
	Tiêu chí 8			
	Tiêu chí 9			
	Tiêu chí 10			
	Tiêu chí 11			
	Tiêu chí 12			
	Tiêu chí 13			
	Tiêu chí 14			
	Tiêu chí 15			
3	Hồ sơ đề nghị công nhận			

2. Kết quả thẩm định, nhận xét, kiến nghị:

– Báo cáo thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định: xã/phường/thị trấn..... đủ điều kiện (hoặc không đủ điều kiện) xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

– Nhận xét:

– Kiến nghị: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... về kết quả đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em và kết quả thẩm định nêu trên kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố..... xét duyệt xã/phường/thị trấn..... đạt danh hiệu xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm.....

Nơi nhận:

-
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 7

UBND
PHÒNG LAO ĐỘNG-TBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

Số: /ITr-LĐTĐBXH-BVCSTE

TỜ TRÌNH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ
Về việc thành lập Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn
phù hợp với trẻ em năm 20.....

Thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 20... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....;

Để có căn cứ xét duyệt các xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20...., kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 8

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2014

Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn
phù hợp với trẻ em năm 20.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ

Căn cứ.....

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động-Thương binh và Xã hội

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 20.... gồm các ông (bà) có tên sau:

1., chức vụ....., Chủ tịch Hội đồng.
2., Trưởng phòng LĐTBXH, thường trực Hội đồng.
3., chức vụ....., Ủy viên.
4., chức vụ....., Ủy viên.
5.

Điều 2. Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em có nhiệm vụ xét duyệt, thẩm định hồ sơ thực hiện Quy định xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4.; các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 9

UBND
PHÒNG LAO ĐỘNG-TBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT XÃ, PHƯỜNG THỊ TRẤN
PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày.... tháng..... năm 20....., tại Ủy ban nhân dân huyện/thành phố....., tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chúng tôi gồm:

1. Chủ tịch UBND huyện/thành phố..... Chủ tịch Hội đồng.
2. Trưởng phòng LĐTB&XH..... Thường trực Hội đồng.
3. Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở..... Ủy viên.
4. Đại diện Công an huyện..... Ủy viên.
5. Đại diện Tư pháp..... Ủy viên.
6.

Hội đồng đã họp và thống nhất những nội dung sau:

1. Xét theo Điều 3 của Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... thuộc Nhóm 2.
2. Xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em của xã/phường/thị trấn....., Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... đạt..... điểm/1.000 điểm, cụ thể:

TT	Tiêu chí	Số điểm
1	Tiêu chí 1	
2	Tiêu chí 2	
3	Tiêu chí 3	
4	Tiêu chí 4	
5	Tiêu chí 5	
6	Tiêu chí 6	
7	Tiêu chí 7	
8	Tiêu chí 8	
9	Tiêu chí 9	
10	Tiêu chí 10	

11	Tiêu chí 11	
12	Tiêu chí 12	
13	Tiêu chí 13	
14	Tiêu chí 14	
15	Tiêu chí 15	
	Tổng số điểm	

3. Kết luận

– Xã/phường/thị trấn..... đạt (hoặc không đạt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em).

– Hội đồng nhất trí, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố..... xem xét và công nhận xã/phường/thị trấn..... đạt danh hiệu xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Hội nghị kết thúc vào hồi..... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...

Biên bản này được lập thành 02 bản, gửi 01 bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và 01 bản lưu tại phòng Lao động-Thương binh và Xã hội.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ký, ghi rõ họ tên

Và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em
(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày .../7/2014)

Tên gọi của tiêu chí	Định nghĩa	Cách tính và thang điểm	Tổng số điểm tối đa
<p>Tiêu chí 1: Mức độ chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là địa phương) đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em</p>	<p>Là sự chỉ đạo, điều hành, giám sát thông qua các văn bản chỉ đạo, quản lý, bố trí kinh phí, huy động nguồn lực của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.</p>	<p>Thang điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nghị quyết hoặc chương trình hoặc kế hoạch riêng về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của địa phương trong năm đánh giá: 15 điểm - Có chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm, thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm của Ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em của địa phương: 10 điểm - Có nguồn lực (ngân sách nhà nước và vận động xã hội, cộng đồng) thực hiện chương trình, kế hoạch riêng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em của địa phương: 20 điểm - Bố trí cán bộ cấp xã, cộng tác viên thôn, bản, áp làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em: + Bố trí người chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: 10 điểm + Bố trí cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ, thôn, ấp, khóm, cụm dân cư: 10 điểm - Đối với các địa phương có Hội đồng Đội cấp xã: 10 điểm 	75 điểm
<p>Tiêu chí 2: Tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em được khai sinh đúng quy định trên tổng số trẻ em được sinh ra và sống trong năm đánh giá.</p>	<p>Thang điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Từ 98% trở lên: 50 điểm Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm Dưới 80%: 20 điểm 	50 điểm
<p>Tiêu chí 3: Tỷ lệ trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lang thang kiếm sống, làm việc xa gia đình</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em phải tham gia vào các hoạt động (lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lang thang kiếm sống, làm việc xa gia đình) trên tổng số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên tại địa phương.</p>	<p>Thang điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dưới 2%: 75 điểm Từ 2% đến dưới 5%: 60 điểm Từ 5% đến dưới 7%: 45 điểm Từ 7% đến dưới 10%: 30 điểm Từ 10% đến 15%: 15 điểm Trên 15%: 0 điểm 	75 điểm

<p>Tiêu chí 4: Tỷ suất trẻ em bị xâm hại, bạo lực, mua bán, bắt cóc</p>	<p>Là số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương từ 6 tháng trở lên bị xâm hại tình dục, bạo lực (các vụ việc bị xử lý hành chính hoặc hình sự), bị mua bán, bắt cóc trên 1.000 trẻ em.</p>	<p>Thang điểm: - Không có trường hợp: 75 điểm - Tỷ suất từ 1/1.000 trở xuống, được can thiệp, hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 60 điểm - Tỷ suất từ trên 1 đến 2/1.000 được can thiệp hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 45 điểm - Tỷ suất trên 2/1.000 đến 3/1.000 được can thiệp hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 30 điểm - Tỷ suất trên 3/1.000: 0 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 5: Tỷ suất trẻ em có các vấn đề xã hội (vi phạm pháp luật, nghiện ma túy)</p>	<p>Là số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương từ 6 tháng trở lên vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự hoặc xử lý hành chính đến mức áp dụng biện pháp giáo dục tại địa phương đưa vào trường giáo dưỡng; nghiện ma túy trên 1.000 trẻ em.</p>	<p>Thang điểm: - Không có trường hợp: 75 điểm - Tỷ suất từ 1/1.000 trở xuống, được can thiệp hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 60 điểm - Tỷ suất từ trên 1 đến dưới 2/1.000 được can thiệp hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 45 điểm - Tỷ suất trên 2/1.000 đến 3/1.000 được can thiệp hỗ trợ theo quy định luật pháp hiện hành: 30 điểm - Tỷ suất trên 3/1.000: 0 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 6: Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích</p>	<p>Là số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương từ 6 tháng trở lên bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc khuyết tật (theo Luật Người khuyết tật) trên 1.000 trẻ em của địa phương.</p>	<p>Thang điểm: - Không có trường hợp: 75 điểm - Tỷ suất từ 1/1.000 trở xuống: 60 điểm - Tỷ suất từ trên 1 đến 2 /1.000: 45 điểm - Tỷ suất trên 2/1.000: 30 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 7: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc</p>	<p>Là tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em) được trợ giúp, chăm sóc dưới các hình thức so với tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của địa phương.</p>	<p>Thang điểm: Từ 98% trở lên: 75 điểm Từ 90% đến dưới 98%: 65 điểm Từ 80% đến dưới 90%: 55 điểm Từ 70% đến dưới 80%: 45 điểm Dưới 70%: 35 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 8: Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng trong năm đánh giá</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng so với tổng số trẻ em dưới một tuổi có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên tại địa phương.</p>	<p>Thang điểm: Từ 98% trở lên: 50 điểm Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm Dưới 80%: 20 điểm</p>	<p>50 điểm</p>

<p>Tiêu chí 9: Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi)</p>	<p>Là tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) so với tổng số trẻ em dưới năm tuổi được cân hoặc đánh giá suy dinh dưỡng thể nhẹ cân.</p>	<p>Thang điểm: Dưới 10%: 75 điểm Từ 10% đến dưới 15%: 60 điểm Từ 15% đến dưới 20%: 45 điểm Từ 20% trở lên: 30 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 10: Tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe tổng quát ít nhất 01 (một) lần trong năm</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em được khám sức khỏe tổng quát ít nhất một lần trong năm so với tổng số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên tại địa phương.</p>	<p>Thang điểm: Từ 80% trở lên: 50 điểm Từ 60% đến dưới 80%: 40 điểm Từ 40% đến dưới 60%: 30 điểm Dưới 40%: 20 điểm</p>	<p>50 điểm</p>
<p>Tiêu chí 11: Tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non.</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm trẻ em được đến trường, lớp mầm non trên tổng số trẻ em dưới 6 tuổi.</p>	<p>Thang điểm: Từ 90% trở lên: 75 điểm Từ 80% đến dưới 90%: 60 điểm Từ 70% đến dưới 80%: 45 điểm Dưới 70%: 30 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 12: Tỷ lệ trẻ em tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương.</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em đạt tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học cơ sở hệ bổ túc so với tổng số trẻ em được xét tốt nghiệp.</p>	<p>Thang điểm: Từ 98% trở lên: 50 điểm Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm Dưới 80%: 20 điểm</p>	<p>50 điểm</p>
<p>Tiêu chí 13: Tỷ lệ trẻ em được tham dự tọa đàm, diễn đàn trẻ em các cấp, trao đổi, đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến trẻ em (gọi tắt là Tỷ lệ trẻ em được thực hiện quyền tham gia)</p>	<p>Là tỷ lệ phần trăm số trẻ em được tham dự vào các tọa đàm, trao đổi, đóng góp ý kiến về những vấn đề liên quan đến trẻ em, diễn đàn trẻ em, hoạt động của nhóm trẻ em các cấp (thôn, ấp, xóm; xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố; tỉnh, Trung ương) trên tổng số trẻ em có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên tại địa phương, trường học.</p>	<p>Thang điểm: Từ 20% trở lên: 75 điểm Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm Từ 10% đến dưới 15%: 45 điểm Dưới 10%: 30 điểm</p>	<p>75 điểm</p>
<p>Tiêu chí 14: Điểm vui chơi, giải trí và tổ chức hoạt động văn hóa vui chơi, rèn luyện thể chất cho trẻ em</p>	<p>Mức độ quy hoạch, đầu tư, duy trì các cơ sở vật chất, duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi, thể dục, thể thao cho trẻ em của địa phương</p>	<p>Thang điểm: - Có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em có tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi, thể dục, thể thao: 35 điểm - Có tủ sách dành cho trẻ em (trên 100 đầu sách dành cho trẻ em): 20 điểm - Có tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ít nhất 02 lần/năm (Ngày quốc tế</p>	<p>75 điểm</p>

		Thiếu nhi 1 - 6, Tết Trung thu, trại hè cho thiếu nhi, liên hoan, cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao): 20 điểm	
Tiêu chí 15: Thực hiện các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em	Xã, phường, thị trấn triển khai các mô hình thực hiện bảo vệ, chăm sóc trẻ em được hướng dẫn trong các chương trình, kế hoạch quốc gia và tỉnh/thành phố (như điểm tham vấn trẻ em tại cộng đồng, câu lạc bộ quyền trẻ em, ngôi nhà an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, sữa học đường, chăm sóc trẻ em nhiễm HIV/AIDS, tái hòa nhập trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật...)	Thang điểm: - Có mô hình thực hiện được đánh giá có hiệu quả tốt: 50 điểm - Không có mô hình: 0 điểm	50 điểm